

Số: 337/QĐ-ĐHHL

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Thực hiện chế độ miễn học phí đối với sinh viên ngành Sư phạm
theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ
Học kỳ II, năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

Căn cứ Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long; Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban dân tỉnh Quảng Ninh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chế độ miễn học phí đối với 123 (một trăm hai mươi ba) sinh viên khoa Sư phạm (khóa tuyển sinh từ năm học 2020-2021 trở về trước) học kỳ II năm học 2021-2022.

- Tổng số tiền được miễn: 381.300.000 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

- Số tháng được miễn: 05 tháng.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trường các phòng: Công tác chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên; Kế hoạch - Tài chính; Trường khoa Sư phạm và những sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- HT và các PHT;
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Lưu: VT; CTSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Trung Vỹ



UBND TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA SƯ PHẠM ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ
THEO ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH 116/ND-CP NGÀY 25/9/2020 CỦA CHÍNH PHỦ
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021-2022**

(Kèm theo Quyết định số 337/ĐHHL ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đ)	Số tháng được miễn	Thành tiền
1	Lưu Thị Hà Anh	14/06/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
2	Đinh Thị Lan Anh	20/08/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
3	Mễ Quỳnh Dương	12/06/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
4	Nguyễn Thị Hương Duyên	06/09/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
5	Nguyễn Thanh Hải	20/12/1998	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
6	Phạm Thanh Hằng	25/12/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
7	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	04/02/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
8	Tô Thanh Hiền	21/12/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
9	Nguyễn Phương Hồng	24/03/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
10	Phạm Thi Huệ	03/04/1999	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
11	Phạm Mai Hương	18/07/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
12	Hồ Thị Thu Hương	12/08/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
13	Bùi Thị Khánh Huyền	08/08/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
14	Bùi Thị Huyền	11/05/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
15	Lý Ngọc Huyền	10/04/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
16	Nguyễn Hồng Liên	27/06/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đ)	Số tháng được miễn	Thành tiền
17	Trần Thị Thùy Linh	20/09/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
18	Lê Thùy Linh	30/04/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
19	Tô Thị Minh	23/07/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
20	Đinh Thị Huyền My	07/12/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
21	Đỗ Như Ngọc	03/05/1999	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
22	Đặng Thị Nhân	22/09/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
23	Nguyễn Thị Thu Phương	23/12/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
24	Lưu Diễm Quỳnh	17/11/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
25	Nguyễn Thị Quỳnh	18/09/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
26	Đặng Thị Thanh	22/09/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
27	Nguyễn Phương Thảo	04/12/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
28	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/12/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
29	Mai Thị Thảo	28/03/2011	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
30	Phạm Thanh Trà	29/07/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
31	Đỗ Hồng Trang	07/02/1999	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
32	Tạ Thị Kiều Trang	25/12/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
33	Nguyễn Thị Trang	11/10/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
34	Trần Thị Thu Trang	01/06/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
35	Lê Thùy Trang	05/11/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
36	Lại Thị Huyền Trang	26/10/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
37	Nguyễn Thị Ngọc Vân	10/06/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
38	Nguyễn Thị Vân	24/08/2001	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đ)	Số tháng được miễn	Thành tiền
39	Trương Ngọc Ánh	10/09/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
40	Bùi Linh Chi	27/12/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
41	Nguyễn Thùy Linh	07/10/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
42	Trương Thị Hằng	18/09/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
43	Dương Thị Tú Uyên	19/02/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
44	Lục Thị Hào	28/10/2000	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
45	Phạm Như Vân	15/7/1999	Cao đẳng Mầm non K18	620.000	5	3.100.000
46	Nguyễn Thị Minh An	27/02/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
47	Nguyễn Ngọc Anh	22/12/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
48	Đỗ Thị Kim Ánh	10/01/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
49	Vũ Thị Diệu	12/01/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
50	Đào Thùy Dương	24/07/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
51	Nguyễn Thị Dương	22/11/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
52	Vũ Thị Thu Hà	11/10/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
53	Nhâm Minh Hạnh	03/11/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
54	Châu Thanh Hằng	25/12/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
55	Đinh Thị Bích Hằng	23/01/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
56	Lưu Thị Hằng	09/10/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
57	Phạm Thị Thu Hằng	04/12/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
58	Hồ Ngọc Hoa	09/06/2000	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
59	Ngô Thúy Hoa	04/08/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
60	Châu Thị Huyền	26/01/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đ)	Số tháng được miễn	Thành tiền
61	Lý Thanh Huyền	06/08/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
62	Đỗ Thị Lan	28/10/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
63	Lương Thị Hương Lan	27/01/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
64	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/10/2000	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
65	Phạm Thị Mai Linh	04/07/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
66	Vũ Tuyết Mai	25/12/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
67	Đinh Thị Thúy Ngân	20/12/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
68	Đặng Thị Ngoan	29/05/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
69	Phạm Thị Hồng Nhung	21/12/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
70	Phạm Thị Thu Phương	03/01/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
71	Bùi Thị Thảo	02/12/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
72	Nguyễn Thị Thảo	06/10/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
73	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/09/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
74	Hoàng Thị Thắm	19/06/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
75	Lê Thị Thu	07/08/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
76	Liêu Lệ Thu	06/09/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
77	Vũ Thị Kim Thu	09/08/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
78	Hoàng Thị Thư	10/02/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
79	Tô Thị Huyền Thương	20/01/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
80	Cao Huyền Trang	16/06/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
81	Đinh Thị Quỳnh Trang	15/03/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
82	Đinh Thị Thu Trang	28/12/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đ)	Số tháng được miễn	Thành tiền
83	Hoàng Quý Trang	20/10/1999	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
84	Nguyễn Mai Trang	28/08/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
85	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/09/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
86	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/07/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
87	Phùng Thị Hoài Trang	18/11/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
88	Trần Phương Uyên	12/10/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
89	Chu Cẩm Vân	05/05/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
90	Ngô Thảo Vân	16/02/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
91	Phạm Thị Vượng	11/09/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
92	Châu Khánh Vy	16/09/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
93	Vũ Thị Yên	11/07/2000	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
94	Hoàng Thị Vân	17/02/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
95	Nguyễn Thị Thùy	12/12/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
96	Vũ Thị Như Ý	25/12/2002	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
97	Phạm Thị Thu Hương	23/08/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
98	Tô Thị Thúy	08/05/2001	Cao đẳng Mầm non K19	620.000	5	3.100.000
99	Tô Trần Bảo Anh	17/12/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
100	Nguyễn Thu Hà	15/03/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
101	Dương Thúy Hà	10/10/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
102	Đặng Thị Hoa	14/04/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
103	Nguyễn Việt Hoa	28/06/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
104	Bùi Thị Hoài	11/04/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đ)	Số tháng được miễn	Thành tiền	
105	Nguyễn Thu	Hương	28/02/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
106	Đỗ Thị Lan	Hương	30/09/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
107	Nguyễn Đình Bích	Hường	29/02/2000	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
108	Trần Ngọc	Huyền	08/01/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
109	Phạm Thị Thùy	Linh	16/06/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
110	Bùi Hương	Ly	04/07/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
111	Phạm Thị Thanh	Ngân	30/08/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
112	Vũ Thu	Phượng	27/08/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
113	Bùi Thị Như	Quỳnh	24/03/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
114	Lê Thu	Thảo	22/01/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
115	Sái Thị Thu	Thảo	02/09/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
116	Hoàng Thị	Thu	22/12/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
117	Phạm Mai	Thủy	06/01/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
118	Lý Thu	Thủy	24/07/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
119	Đỗ Thùy	Trang	31/07/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
120	Nguyễn Thị Minh	Trang	17/08/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
121	Phùng Thị Huyền	Trang	11/04/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
122	Phạm Huyền	Trang	02/08/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
123	Phạm Thị Thu	Yến	07/07/2001	Cao đẳng Tiểu học K23	620.000	5	3.100.000
Tổng							381.300.000

Bảng chữ: Ba trăm tám mươi một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.

